

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2023/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

THÔNG TƯ

Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

N

1. Thông tư này quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập.

2. Thông tư này áp dụng đối với viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật làm việc trong các cơ sở giáo dục công lập, gồm: cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập có người khuyết tật tham gia học tập.

Điều 2. Mã số chức danh nghề nghiệp viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật

Viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật - Mã số: V.07.06.16.

Chương II

**TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP, BỔ NHIỆM VÀ
XẾP LƯƠNG THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

Điều 3. Nhiệm vụ và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật

1. Nhiệm vụ

- a) Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục cho người khuyết tật;
- b) Thực hiện chương trình, kế hoạch hỗ trợ giáo dục người khuyết tật theo yêu cầu và quy định của đơn vị;
- c) Hỗ trợ người khuyết tật học tập và rèn luyện kỹ năng đặc thù, kỹ năng sống phù hợp với khả năng và nhu cầu của người khuyết tật;
- d) Hỗ trợ giáo viên trong các hoạt động chăm sóc, giáo dục người khuyết tật;
- đ) Phối hợp với giáo viên giảng dạy, giáo viên chủ nhiệm đánh giá người khuyết tật;
- e) Tham gia huy động người khuyết tật đến trường học tập;
- g) Hỗ trợ, tư vấn cho gia đình người khuyết tật và cộng đồng về kiến thức, kỹ năng chăm sóc, giáo dục người khuyết tật;
- h) Hoàn thành các chương trình bồi dưỡng; tự học, tự bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm;
- i) Thực hiện các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng phân công.

2. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp

- a) Chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của ngành;

b) Có tinh thần trách nhiệm, tận tụy với công việc; thương yêu, tôn trọng và đối xử công bằng đối với người khuyết tật; hỗ trợ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khuyết tật;

c) Có tinh thần trách nhiệm hợp tác với đồng nghiệp, gia đình người khuyết tật và các tổ chức, cá nhân khác trong việc hỗ trợ giáo dục người khuyết tật;

d) Thực hiện lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với môi trường giáo dục.

3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hỗ trợ giáo dục người khuyết tật hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên một trong các ngành, nghề thuộc lĩnh vực, nhóm ngành, nghề: Đào tạo giáo viên, Tâm lý học, Công tác xã hội, Sức khỏe (theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội);

b) Hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật theo quy định.

4. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Hiểu và biết vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương liên quan đến công tác giáo dục người khuyết tật;

b) Có hiểu biết về đặc điểm, nhu cầu của người khuyết tật; công tác hỗ trợ giáo dục người khuyết tật;

c) Vận dụng được kiến thức và kỹ năng chuyên môn cơ bản vào công việc hỗ trợ giáo dục cho người khuyết tật;

d) Có khả năng thực hiện hoặc phối hợp thực hiện được nội dung chương trình hỗ trợ giáo dục người khuyết tật theo cấp học;

đ) Có kỹ năng hỗ trợ, tư vấn, tham gia, phối hợp với giáo viên, gia đình và cộng đồng trong giáo dục người khuyết tật.

Điều 4. Nguyên tắc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật

1. Việc bổ nhiệm viên chức vào chức danh nghề nghiệp hỗ trợ giáo dục người khuyết tật phải căn cứ vào quy định tại Thông tư này và vị trí việc làm, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đảm nhận của viên chức.

2. Khi bổ nhiệm từ ngạch công chức hoặc chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ sang chức danh nghề nghiệp viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật không được kết hợp nâng bậc lương.



Điều 5. Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật

Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật mã số V.07.06.16 đối với:

1. Trường hợp viên chức đang làm công tác hỗ trợ giáo dục người khuyết tật nhưng chưa được bổ nhiệm theo quy định của Thông tư liên tịch số 19/2016/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập khi đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Thông tư này.

2. Trường hợp được tuyển dụng vào vị trí việc làm viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật sau ngày thông tư này có hiệu lực và đáp ứng yêu cầu về tập sự theo quy định.

Điều 6. Xếp lương

1. Viên chức được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật quy định tại Thông tư này được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0, từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89 quy định tại Bảng 3 (bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của nhà nước) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

2. Việc chuyển xếp lương khi bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật thực hiện như sau:

a) Trường hợp viên chức đã được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật mã số V.07.06.16 theo quy định của Thông tư liên tịch số 19/2016/TTLT-BGDĐT-BNV và đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Thông tư này thì được chuyển xếp từ hệ số lương của viên chức loại B sang hệ số lương của viên chức loại A0 theo nguyên tắc xếp lương quy định tại Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức và theo quy định hiện hành của pháp luật;

b) Trường hợp đang làm việc ở vị trí việc làm viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật nhưng giữ mã ngạch công chức hoặc chức danh nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành khác nếu đạt tiêu chuẩn để bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật theo quy định tại khoản 1 Điều 5 thông tư này thì việc chuyển xếp lương thực hiện như sau:

- Trường hợp đang xếp hệ số lương của công chức hoặc viên chức loại A0 theo bảng 2 (bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan Nhà nước) hoặc bảng 3 (bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP thì được xếp hệ số lương của viên chức loại A0;

- Trường hợp đang xếp hệ số lương của công chức hoặc viên chức loại A1 trở lên hoặc loại B thì được chuyển xếp vào hệ số lương của viên chức loại A0 theo nguyên tắc xếp lương quy định tại Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV và theo quy định hiện hành của pháp luật.

3. Khi thực hiện chính sách tiền lương mới, việc xếp sang lương mới thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này là căn cứ để thực hiện tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật tại các cơ sở giáo dục công lập có người khuyết tật học tập.

2. Các cơ sở giáo dục tự thực và dân lập có người khuyết tật học tập được áp dụng quy định tại Thông tư này để thực hiện.

3. Người đứng đầu các cơ sở giáo dục công lập có người khuyết tật học tập trực tiếp quản lý và sử dụng viên chức có trách nhiệm:

a) Rà soát các vị trí việc làm của đơn vị, lập phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật thuộc thẩm quyền quản lý; trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền phân cấp;

b) Báo cáo cơ quan có thẩm quyền quản lý theo quy định kết quả bổ nhiệm và xếp lương với viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.

4. Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý cơ sở giáo dục công lập có trách nhiệm:

a) Phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý; giải quyết theo thẩm quyền những vướng mắc trong quá trình bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý;

b) Quyết định theo thẩm quyền hoặc phân cấp việc quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền;

c) Báo cáo kết quả bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc

phạm vi quản lý về cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

d) Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật và bảo đảm chế độ, chính sách khi tham gia bồi dưỡng theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Điều khoản áp dụng

1. Trường hợp viên chức đang làm công tác hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Thông tư này, nếu vẫn bố trí làm công tác hỗ trợ giáo dục người khuyết tật thì tiếp tục được hưởng lương đang xếp cho đến khi đủ điều kiện bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật hoặc chuyển vị trí việc làm hoặc thôi việc hoặc nghỉ hưu theo quy định.

2. Không yêu cầu bổ nhiệm lại chức danh nghề nghiệp viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật theo quy định tại Thông tư này đối với những trường hợp đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2016/TTLT-BGDĐT-BNV.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Thông tư này thay thế Thông tư liên tịch số 19/2016/TTLT-BGDĐT-BNV.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo; cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGD của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban Quốc gia đổi mới giáo dục và đào tạo;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Công đoàn Giáo dục Việt Nam;
- Công báo;
- Website của Chính phủ;
- Website của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục NGCBQLGD (10 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Ngọc Thuởng